

Số: **01 /2025/ KDTM- ST**

Ngày: **07 - 02 - 2025**

V/v tranh chấp Hợp đồng Tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG**- Thư Ký tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2024/QĐST- KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V

Trụ sở: số 108, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Minh D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh **Đặng Văn T1** – Cán bộ quản lý nợ có vấn đề (theo văn bản ủy quyền số 50/UQ- CNTTG-TCTH ngày 13/8/2024)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp Đ, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 165, phường S, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt anh T1, anh K; vắng mặt ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V(gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V- Chi nhánh G đã cho ông T, bà L vay tiền theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01.027/2023-HĐCVHM/NHCT762 ngày 31/01/2023. Cụ thể hạn mức vay 1.000.000.000đồng; thời hạn vay từ 31/01/2023 đến 31/01/2024; lãi suất thả nổi, thời điểm ký hợp đồng là 12%/ năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lương thực, số tiền đã nhận nợ là 1.000.000.000đồng.

+ Tài sản bảo đảm khoản vay:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01.035A/2022/ HĐBĐ/HCT762 ngày 24/01/2022 đối với thửa đất 499, tờ bản đồ 25, diện tích 4141,6m² tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CI 296397, số vào sổ CS05015 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2017 cho bà Trần Thị Tuyết L.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3.011/2023/ HĐBĐ/HCT762 ngày 10/3/2023 đối với thửa đất 585, tờ bản đồ 19, diện tích 2.206,7m² tại ấp Đ, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DG 394575, số vào sổ CS 09179 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/08/2022 cho ông Nguyễn Văn T.

Hiện khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 20/01/2024 với số tiền gốc là 1.000.000.000đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 14/8/2024 là 125.130.457 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà L, ông T trả số tiền nợ gốc và lãi. Trường hợp ông bà không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V yêu cầu bà Trần Thị Tuyết L, ông Nguyễn Văn T trả 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 199.144.297 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 07/02/2025. Tổng cộng 1.199.144.297 đồng. Trường hợp bà L, ông T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Bị đơn bà Trần Thị Tuyết L tại tờ tự khai trình bày: Trước đây bà và ông T có ký hợp đồng tín dụng số 01.027/2023-HĐCVHM/NHCT762 ngày 31/01/2023 với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V- Chi nhánh G vay số tiền 1.000.000.000đồng. Đồng thời ký 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất 499, tờ bản đồ 25, diện tích 4141,6m² tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà đứng tên và thửa đất 585, tờ bản đồ 19, diện tích 2.206,7m² tại ấp Đ, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn T đứng tên. Đến nay bà và ông T vẫn còn nợ ngân hàng. Bà và ông T đã ly hôn theo quyết định số 156/QĐ-TTLH ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bà chỉ đồng ý trả Ngân hàng ½ vốn lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, ½ vốn lãi còn lại do ông T trả.

Tại phiên tòa, đại diện uỷ quyền của bà Trần Thị Tuyết L vẫn giữ ý kiến bà L trả cho Ngân hàng ½ vốn lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt và không có lời trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T trả tiền vay, mục đích vay tiền để phục vụ việc kinh doanh của Hộ kinh doanh L T do bà Trần Thị Tuyết L đứng chủ hộ kinh doanh. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo qui định tại điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hợp đồng tín dụng: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thể hiện bà L, ông T có ký hợp đồng cho vay hạn

mức số 01.027/2023-HĐCVHM/NHCT762 ngày 31/01/2023 với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V để vay số tiền 1.000.000.000đồng. Bà L, ông T đã được Ngân hàng giải ngân số tiền 1.000.000.000đồng theo các giấy nhận nợ ngày 14/03/2023, 15/3/2023, 31/7/2023. Để bảo đảm khoản vay bà L, ông T lần lượt ký kết các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01.035A/2022/ HĐBĐ/HCT762 ngày 24/01/2022 đối với thửa đất 499, tờ bản đồ 25, diện tích 4141,6m² tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CI 296397, số vào sổ CS05015 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2017 cho bà Trần Thị Tuyết L; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3.011/2023/ HĐBĐ/HCT762 ngày 10/3/2023 đối với thửa đất 585, tờ bản đồ 19, diện tích 2.206,7m² tại ấp Đ, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DG 394575, số vào sổ CS 09179 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/08/2022 cho ông Nguyễn Văn T. Việc thế chấp tài sản được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định pháp luật. Tuy nhiên sau khi được giải ngân khoản vay bà L, ông T đã không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận, phía Ngân hàng cũng có thông báo cho ông bà biết về việc thu hồi nợ và khởi kiện nhưng ông bà vẫn không thanh toán tiền vay. Như vậy thực tế giữa các bên có phát sinh giao dịch dân sự, bà L, ông T đã vi phạm cam kết trả tiền cho Ngân hàng, nên việc Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V. Buộc bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 1.000.000.000 đồng và 199.144.297 đồng tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 07/02/2025). Đối với việc bà L trình bày bà và ông T đã ly hôn nên chỉ chịu trách nhiệm trả ½ số tiền nợ cho Ngân hàng nhưng không có ý kiến của ông T và phía Ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.2] Đối với các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01.035A/2022/ HĐBĐ/HCT762 ngày 24/01/2022; số 3.011/2023/ HĐBĐ/HCT762 ngày 10/3/2023 được đăng ký bảo đảm theo đúng qui định. Do đó nếu bà L, ông T không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo qui định pháp luật.

[3] Án phí: Bà L, ông T phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V.

1. Buộc bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V số tiền vốn là 1.000.000.000 đồng và 199.144.297 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 07/02/2025. Tổng cộng 1.199.144.297 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà L, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số 01.027/2023-HĐCVHM/NHCT762 ngày 31/01/2023 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V- Chi nhánh G với bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay đã ký kết các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay tiền thì lãi suất mà khách hàng vay tiền phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà L và ông T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số 01.035A/2022/ HĐBĐ/HCT762 ngày 24/01/2022 giữa Ngân hàng với bà Trần Thị Tuyết L; Hợp đồng thế chấp số 3.011/2023/ HĐBĐ/HCT762 ngày 10/3/2023 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T được xử lý để thu hồi nợ theo qui định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T phải chịu 47.974.329 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V 22.877.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016005 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại

các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH